TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI** Bản án số: 19/2023/DS -ST Ngày 16/5/2023 *V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng*;*

2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2022/TLST-DS ngày 04/11/2022 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-DS ngày 11/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-DS ngày 28/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L sinh năm 1979; địa chỉ: Đường L, phường C, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Cao Văn P sinh năm 1980, địa chỉ: Đường L, phường C, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. Người làm chứng: Ông Tô Minh T sinh năm 1976, địa chỉ: đường H, phường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:*

Tôi và ông Cao Văn P có mối quan hệ quen biết lâu năm nên vào ngày 26/12/2021 ông P đến gặp và hỏi vay của tôi số tiền 2.357.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng và làm công trình xây dựng, tôi đồng ý cho vay và yêu cầu ông P viết hợp đồng mượn tiền. Tôi là người soạn thảo mẫu hợp đồng, ông P trực tiếp

viết và ký tên. Hợp đồng mượn tiền đề ngày 26/12/2021 lập tại nhà của tôi, bên A là bên mượn tiền ghi tên chồng Cao Văn P số chứng minh nhân dân 212152179 cấp ngày 14/02/2020 nơi cấp Công an thành phố Quảng Ngãi, tên vợ là Trần Thị Minh T, địa chỉ thường trú đường L, phường C, thành phố QNg, bên B cho mượn tiền là tôi (Phạm Thị L), bên C người làm chứng là ông Tô Minh T sinh năm 1976, số chứng minh nhân dân (thực tế là số căn cước công dân) 051076010095. Bên A mượn bên B 2.357.000.000 đồng, hẹn trong khoảng thời gian từ ngày 20 đến 25/01/2022 trả 500.000.000 đồng, số tiền còn lại ghi và cam kết trả cho năm 2022 và chia làm 03 kỳ trả dứt điểm năm 2022, nếu sai ông P chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp luật, ông P ký tên. Bà L đã giao tiền và ông P đã nhận đủ. Trong hợp đồng mượn tiền đề ngày 26/12/2021 không ghi lãi nhưng thực tế hai bên thỏa thuận lãi suất 02%/tháng tức 24%/năm của số tiền 2.357.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày vay ông P không trả tiền lãi mà có trả cho bà L 200.000.000 đồng tiền nợ gốc. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Cao Văn P phải trả lại cho bà số tiền nợ là 2.157.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

** Theo Văn bản ngày 26/4/2023 bị đơn ông Cao Văn P trình bày:*

Tôi có nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-DS ngày 11/4/2023 và Giấy triệu tập số 194/GTT-TA ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Năm 2019 qua sự quen biết, tôi có vay khoảng dưới 400.000.000 đồng và mua một số hóa đơn đỏ L phí khoảng 400.000.000 đồng của bà Phạm Thị L, tổng cộng hai khoản là 700.000.000 đồng, tôi đã trả cho bà L qua các lần là 1.849.000.000 đồng, bà L nhiều lần bắt ép tôi phải viết giấy nhận nợ. Đề nghị Tòa án xem xét cho tôi.

** Theo Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 12/5/2023 người làm chứng ông Tô Minh T trình bày:*

Ông có mối quan hệ quen biết bạn bè xã hội với bà Phạm Thị L và ông Cao Văn P, ông không mâu thuẫn gì với bà L và ông P. Ngày 26/12/2021, ông tình cờ có mặt tại nhà bà L và chứng kiến ông P thừa nhận có nợ bà L số tiền 2.357.000.000 đồng, ông P tự nguyện viết và ký tên vào hợp đồng mượn tiền.

**Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tống đạt các văn bản tố tụng, gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Cao Văn P phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền 2.157.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp L đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Cao Văn P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Cao Văn P phải thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và bị đơn thừa nhận thì ông Cao Văn P có vay tiền của bà Phạm Thị L nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông P, ông P thừa nhận nhận được văn bản của Tòa án. Tuy nhiên ông P không đến Tòa án để làm việc, đối chất, lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa…, mà chỉ gởi 01 văn bản trình bày ý kiến đề ngày 26/4/2023 và 17 văn bản phô tô (không sao y) chứng từ và bảng liệt kê. Theo đó, ông P khai có vay tiền của bà Phạm Thị L khoảng dưới 400.000.000 đồng và mua một số hóa đơn đỏ L phí, tổng cộng hai khoản là 700.000.000 đồng, ông đã trả cho bà L qua các lần là 1.849.000.000 đồng (theo bảng liệt kê) nhưng không nộp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh trình bày của mình về việc vay và mua hóa đơn, trong 17 văn bản ông P nộp có: 13 chứng từ nộp vào tài khoản và giao tiền cho bà L trước thời điểm ông P ký hợp đồng mượn tiền (tức trước ngày 26/12/2021); có 01 chứng từ ghi giấy nhận tiền không có chữ ký của người giao và nhận tiền đề ngày 25/01/2022; có 01 chứng từ đề ngày 27/01/2022 thể hiện ông Cao Văn P chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản của bà Phạm Thị L tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam; và 02 bảng tự liệt kê không có chữ ký của bà L. Qua làm việc với bà L, bà L khai bà có cho ông P vay tiền nhiều lần trước thời điểm ngày 26/12/2021 nên các chứng từ nộp tiền trước thời điểm ngày 26/12/2021 là ông P trả nợ cho bà không liên quan đến số tiền nợ mà bà khởi kiện trong vụ án này; đối với 01 chứng từ ghi giấy nhận tiền không có chữ ký của người giao và nhận tiền đề ngày 25/01/2022 bà L không thừa nhận; đối với 01 chứng từ đề ngày 27/01/2022 thể hiện ông Cao Văn P chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản của bà Phạm Thị L tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam, bà L thừa nhận có nhận khoản tiền này, ngoài ra bà có nhận tiền ông P trả nợ 150.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng. Đối với bảng liệt kê ông P tự lập nộp cho Tòa án không có chữ ký xác nhận của bà L, bà L không thừa nhận.

Bà L nộp Hợp đồng mượn tiền đề ngày 26/12/2021 có chữ ký của ông P thể hiện ông P nhận nợ vay của bà L là 2.357.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, bà L yêu cầu ông P trả số tiền nợ là 2.357.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông P trả 2.157.000.000 đồng (sau khi trừ 200.000.000 đồng tiền nợ gốc ông P đã trả cho bà L). Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng, căn cứ khoản 2, 4 Điều 91; khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà L không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, yêu cầu của bà Phạm Thị L là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về án phí: Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L. Buộc ông Cao Văn P phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền nợ là 2.157.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm năm mươi bảy triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ông Cao Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 75.140.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

4. Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền 32.570.000 (Ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0003698 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Ly

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Anh Tuấn trình bày:*

Ngày 28/6/2018, ông Nguyễn Anh Tuấn và bà Đoàn Thị Thúy Huyền ký kết Hợp đồng thuê nhà nguyên căn tại số 301 đường Pn Đình Phùng, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, hợp đồng do bà Huyền soạn sẵn ông ký mà không xem xét kỹ lưỡng nên khi thỏa thuận chỉ đồng ý cho bà Huyền thuê 05 năm nhưng hợp đồng lại quy định thời hạn 10 năm, ông đã đề nghị bà Huyền ký lại thời hạn thuê 05 năm, tiến hành công chứng, chứng thực hợp đồng thuê nhưng bà Huyền không hợp tác nên ông đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng thuê nhà vô hiệu, ông có lỗi làm hợp đồng vô hiệu 30%, bà Huyền 70%, ngoài ra không yêu cầu gì. Ngày 20/7/2022 và 04/8/2022 ông Tuấn nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, ông không ý kiến việc bà Phúc rút đơn.

** Tại Biên bản làm việc ngày 19/7/2019, đơn khởi kiện ngày 23/12/2019, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Ba, bà Huỳnh Thị Phúc trình bày:*

Ông, bà là cha mẹ đẻ của ông Nguyễn Anh Tuấn, chủ sử dụng thửa đất 1615, tờ bản đồ số 1, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, diện tích 132,36m^2, trên đất có ngôi nhà diện tích sàn 392,13m^2, diện tích xây dựng 130,7m^2 hình thức sở hữu riêng, nhà cấp 2 được UBND thành phố Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận ngày 11/02/2015 cho ông Ba, bà Phúc nhà gắn liền có số 301 đường Pn Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi. Ông bà có cho ông Tuấn thế chấp nhà đất vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp để lấy vốn làm ăn, đồng thời cho ông Tuấn ký hợp đồng cho bà Huyền thuê nhà trong thời hạn 05 năm, việc

ký hợp đồng thuê nhà 10 năm ông, bà không đồng ý, nay Tuấn ký hợp đồng với Huyền là vô hiệu, hai bên cùng có lỗi, Tuấn có lỗi làm hợp đồng vô hiệu 30%, bà Huyền 70%. Ngày 20/12/2019, bà Phúc có đơn khởi kiện yêu cầu bà Huyền phải bồi thường cho bà Phúc số tiền 145.391.000 đồng tương ứng 70% lỗi. Ngày 20/7/2022 bà Phúc nộp đơn xin rút đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp L nhưng bị đơn ông Phạm Văn Đông và bà Trần Thị Hạnh vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tiến yêu cầu ông Phạm Văn Đông và bà Trần Thị Hạnh phải trả cho bà Tiến số tiền 360.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/7/2021 đến ngày 10/11/2021 với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) là 11.952.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 371.952.000 đồng:

Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 02 Giấy mượn tiền đề ngày 25/5/2019 và ngày 25/10/2019 có nội dung và chữ ký tên Phạm Văn Đông và Trần Thị Hạnh vay mượn số tiền 230.000.000 đồng và 130.000.000 đồng của bà Lê Thị Tiến, đồng thời nguyên đơn có nộp Giấy đòi nợ đề ngày 24/6/2021 do bà Tiến lập được gởi cho ông Đông, bà Hạnh và yêu cầu ông Đông, bà Hạnh phải trả 360.000.000 đồng cho bà Tiến trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bà Tiến thông báo cho ông Đông, bà Hạnh. Theo chứng từ bưu điện do bà Tiến cung cấp thì Giấy đòi nợ đề ngày 24/6/2021 đã giao nhận thành công cho ông Đông ngày 25/6/2021. Tòa án đã tống đạt hợp L Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn Đông và Trần Thị Hạnh nhưng trong thời hạn quy định, ông Đông, bà Hạnh không đến Tòa, Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến hay phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Tiến từ ông Đông, bà Hạnh. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ có tại hồ sơ, bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chứng minh, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, buộc ông Cao Văn P phải thanh toán cho bà L 2.157.000.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Đông và Trần Thị Hạnh phải chịu 18.597.600 đồng (Mười tám triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng). Bà Lê Thị Tiến trên 60 tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Ly

* ***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.